TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 351/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 02-6-2023
Về việc: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Anh Dũng;

2. Bà Hồ Thị Lệ Thu.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 220/2023/TLST-HNGĐ ngày 19/4/2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thu T, sinh năm 1964. Địa chỉ: 1465/5 đường Lê Văn Lương, tổ 1, ấp 2, xã N, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1966. Địa chỉ thường trú: 78A N, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ tạm trú: Số 11 C4 – 5 chung cư Sky Garden 3, Khu phố 6, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị Thu T xác định yêu cầu khởi kiện như sau:

Bà và ông Nguyễn Đức H qua sự mai mối của anh trai bà T thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới vào năm 1991 và đăng ký kết hôn vào năm 1995 (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 189/1995. Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh)

Vợ chồng chung sống với nhau phát sinh mâu thuẫn từ những ngày đầu sống chung với nhau. Ông H ham đánh bài và có người phụ nữ khác trong thời gian chung sống với bà T.

Vợ chồng ly thân hơn 10 (mười) năm, bà T đã ra khỏi nhà ông H và sống riêng được 10 năm.

Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được bà T yêu cầu Tòa án Quận 7 giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Đức H.

- Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Nguyễn Phạm Hoàng Dũng, sinh ngày 08/01/1993. Đã trưởng thành

- Về tài sản chung và nợ chung: Cả hai xác nhận không có.

Việc ly hôn của vợ chồng không nhằm trốn tránh nghĩa vụ nào khác.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 10/5/2023 ông Nguyễn Đức H trình bày ý kiến sau:

Ông và bà Phạm Thị Thu T kết hôn vào năm 1995. Trước khi kết hôn, chúng tôi không có thời gian tìm hiểu. Do thời điểm đó ông quen biết với anh trai bà T. Trước lúc anh trai bà T chết có nắm tay ông để nói chuyện và nhờ ông chăm sóc bà T. Ông có hứa với anh trai bà T là sẽ chăm sóc bà T do đó ông phải thực hiện lời hứa. Bà T yêu cầu ly hôn ông không đồng ý. Ông không có tình cảm với bà T từ trước tới nay nhưng vì là vợ chồng ông có thương bà T. Ông không hiểu lý do tại sao bà T bỏ đi không chung sống với ông.

Ông xác nhận có sự việc ông đánh bạc, nhưng đó là tiền của ông.

Về việc có người phụ nữ khác, ông thừa nhận trong thời gian sống chung với bà T ông có ngoại tình nhưng ông cho rằng đây là sự việc bình thường vì ông nhận thấy ở ngoài xã hội, đàn ông ai không có bồ.

Ông và bà T ly thân 03 (ba) năm.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng không tránh khỏi những xích mích trong cuộc sống hàng ngày nhưng ông chưa bao giờ đánh bà T.

Ông và bà T có 01 (một) con chung tên Nguyễn Phạm Hoàng Dũng, sinh ngày 08/01/1993. Đã trưởng thành.

Ông và bà T không có tài sản chung.

Ông và bà T không có nợ chung.

Do các bên không thống nhất được với nhau về vấn đề ly hôn, ông đề nghị Tòa án sớm đưa vụ án ra xét xử.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu ý kiến***

I. VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TỐ TỤNG

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

**** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:***

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

**** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:***

Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

II. Ý KIẾN VỀ VIỆC GIẢI QUYẾT VỤ ÁN:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

* Về án phí hôn nhân gia đình: Bà T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

1.1 Về quan hệ tranh chấp: Qua xem xét nội dung vụ án thì đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Theo kết quả xác minh của Công an phường Tân Phong, Quận 7 thì ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1966 có thực thế cư trú tại địa chỉ 11C4-5 chung cư Sky Garden 3, khu phố 6, phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thu T và ông Nguyễn Đức H qua thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 1991 và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn 189/1995 do Ủy ban nhân dân Quận 1 cấp ngày 21/7/1995, xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên đơn và bị đơn đều xác định quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Bà T khởi kiện ly hôn, ông H không đồng ý ly hôn. Bà T và ông H đã sống ly thân nhiều năm. Bà T xác định tình cảm không còn, không thể tiếp tục chung sống. Ông H thừa nhận trong quá trình chung sống, ông sai khi không chăm sóc bà T và chỉ suy nghĩ làm giàu.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân phải là sự tự nguyện từ hai phía, cả hai cùng nhau xây dựng một gia đình hạnh phúc. Hôn nhân phải có sự yêu thương chăm sóc và tôn trọng lẫn nhau, phải xuất phát từ tình cảm vợ chồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân của các đương sự ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về con chung: Căn cứ vào Giấy khai sinh số 729, quyển số QH đăng ký ngày 02/10/1995 tại Ủy ban nhân dân Quận 1 và lời khai của đương sự đã có đủ cơ sở để kết luận: Bà T và ông H có 01 người con chung Nguyễn Phạm Hoàng Dũng, sinh ngày 08/01/1993 (đã trưởng thành).

- Về tài sản chung: Đương sự xác nhận không có nên không xét

- Về nợ chung: Đương sự xác nhận không có nên không xét.

3. Về nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Áp dụng Luật Phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Xử:

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Thu T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thu T được ly hôn ông Nguyễn Đức H.

2. Về con chung: Bà Phạm Thị Thu T và ông Nguyễn Đức H có 01 người con chung Nguyễn Phạm Hoàng Dũng, sinh ngày 08/01/1993 (đã trưởng thành).

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có

5. Án phí dân sự sơ thẩm bà Phạm Thị Thu T phải chịu là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số AA/2022/0018151 ngày 19/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diễm Phương

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Ủy ban nhân dân Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu. (TK. Thanh)